TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Ông Phùng Hiếu Trung.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị H - sinh năm: 1977 (*có mặt*).
Địa chỉ: 210/6, ấp K, xã T, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Đ - sinh năm: 1972 (*có đơn xin vắng mặt*).
Địa chỉ: 210/6, ấp K, xã T, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị H trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị H và anh Đ quen biết nhau qua mai mối của người thân thì tiến đến hôn nhân, không có tìm hiểu trước, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn do anh Đ đi nghĩa vụ quân sự; sau này vợ chồng có con, cũng đã làm giấy khai sinh cho các con xong nên cũng không còn quan tâm đến việc đi đăng ký kết hôn. Chị H và anh Đ chung

sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện đánh đập chị H, chửi mắng, xúc phạm chị H và gia đình chị H; ngoài ra anh Đ còn có quen biết và đi chơi với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị H cũng đã khuyên nhiều lần nhưng anh Đ không nghe, không chịu sửa đổi. Từ tháng 3/2019 đến nay chị H không còn sống chung với anh Đ.

- Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ, chị H sống với anh Đ không có hạnh phúc. Chị H yêu cầu được ly hôn anh Đ.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên P - sinh năm: 1992 (*hiện đang sống ở TP Hồ Chí Minh)* và T - sinh ngày: 20/6/2003 (*hiện đang sống với anh Đ*). Khi ly hôn, chị H: đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi cháu T. Đối với anh P - sinh năm: 1992, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị H và anh Đ tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Đ không đến Tòa án nhưng có ý kiến trình bày (sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử) như sau*:**

- Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất theo lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không còn thương anh Đ, chị H có người đàn ông khác bên ngoài, thường hay bỏ nhà đi mấy lần nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, gây gổ nhau. Từ khoảng tháng 02/2019 đến nay chị H bỏ đi lên Thành phố Hồ Chí Minh sống với con trai lớn, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay anh Đ xác định không còn tình cảm với chị H, cuộc sống hôn nhân với chị H không có hạnh phúc, anh Đ không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho chị H, anh Đ đồng ý ly hôn chị .

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên P - sinh năm: 1992 (*hiện đã có vợ, con, có cuộc sống riêng ở TP Hồ Chí Minh nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết*) và T - sinh ngày: 20/6/2003 (*hiện đang sống với anh Đ*). Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên T - sinh ngày: 20/6/2003, anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Anh Đ và chị H tự thỏa thuận; anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H, anh Đ là cháu T trình bày*:** Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với cha là anh Đ.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn anh Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Đ.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên P - sinh năm: 1992, đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng đối với cháu T - sinh ngày: 20/6/2003 (*hiện đang sống với anh Đ*), đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu T cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là anh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về hôn nhân*: Chị H và anh Đ chung sống như vợ chồng từ năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay, chị H và anh Đ phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị H và anh Đ đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung với nhau, giữa chị H và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh Đ và có yêu cầu được ly hôn anh Đ. Về phía anh Đ cũng không muốn tiếp tục chung sống như vợ chồng với chị H; anh Đ xác định không còn tình cảm với chị H và đồng ý ly hôn chị H. Tuy nhiên, do chị H và anh Đ không đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

Do đó, xét yêu cầu của chị H yêu cầu ly hôn anh Đ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung tên P - sinh năm: 1992 (*hiện đang sống ở TP Hồ Chí Minh*) và T - sinh ngày: 20/6/2003 (*hiện đang sống với anh Đ*). Khi ly hôn, chị Hồng đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi cháu T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh P - sinh năm: 1992 (*hiện đã có vợ, con, có cuộc sống riêng ở TP Hồ Chí Minh*) đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết. Riêng cháu P- sinh ngày: 20/6/2003, hiện đang sống ổn định với anh Đ, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu T cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T trong sinh hoạt, học tập. Chị H được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Do anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về chia tài sản chung*: Chị H và anh Đ cùng xác định là không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị H và anh Đ cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên Xử</u>:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Đ.

2. *Về nuôi con chung*: Anh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên T - sinh ngày: 20/6/2003 (*hiện đang sống với anh Đ*). Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Chị H và anh Đ không yêu cầu; Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị H và anh Đ cùng xác định là không có, không yêu cầu; Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày

20/5/2019 theo biên lai thu số 0009621 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn Được vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Danh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.